

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG LÔ  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2025/DS - ST  
Ngày 16 - 6 - 2025  
“*V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Khương Đặng Khánh Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Mạnh Tuấn

Ông Nguyễn Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1992 và chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (anh G có mặt và chị H vắng mặt)

*-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;  
Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:* Vợ chồng anh có cửa hàng kinh doanh phân phối thức ăn chăn nuôi tại thôn Y, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Do có quen biết với anh G nên anh có bán hàng và giao hàng (cám gà) cho vợ chồng anh G H từ năm 2018 đến năm 2022. Việc mua bán hàng giữa hai bên không có hợp đồng nhưng có ký nhận của anh G, chị H trong sổ bán hàng của anh (anh đã giao nộp sổ gốc cho Tòa án). Ban đầu vợ chồng anh G thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho vợ chồng anh, tuy nhiên đến ngày 31/3/2022, anh G và chị H nợ lại số tiền 442.500.000 đồng (bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó anh G, chị H đã khất vợ chồng anh nhiều lần và không thanh toán đúng thời hạn. Đến ngày 17/3/2023 anh G có chuyển khoản cho anh số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và còn nợ lại số tiền 432.500.000 đồng. Từ đó đến nay, vợ chồng anh đã liên hệ nhiều lần nhưng vợ chồng anh G không thanh toán và đều đưa ra nhiều lý do để trì hoãn việc trả tiền mua hàng. Do vậy anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Lô giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc G và chị Đỗ Thị Thu H thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền mua hàng (cám gà) còn nợ 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và tự nguyện không đề nghị tính lãi.

*Bị đơn anh Nguyễn Ngọc G trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:* Gia đình anh có đầu tư trang trại chăn nuôi gà từ năm 2018 đến năm 2023 và có mua cám gà của gia đình anh D. Mỗi lần lấy cám anh D thường giao cám tại gia đình anh và hai bên đã chốt số lượng và mã cám cũng như ký nhận trong sổ của anh D. Anh xác định việc đầu tư trang trại chăn nuôi gà cũng như mua cám của anh D là do anh giao dịch làm việc trực tiếp với anh D và chị H vợ anh không có liên quan. Những lần anh D giao cám chỉ khi anh đi vắng thì có nhờ vợ là chị H nhận hàng và ký sổ thay. Hai bên cũng nhiều lần phải chốt số tiền mua hàng phải thanh toán cũng như số tiền đã trả và những lần anh trả tiền mua cám cho anh D. Theo sổ anh D vào ngày 31/3/2022 hai bên chốt số tiền mua hàng còn nợ là 442.500.000 đồng và đến ngày 17/3/2023 anh chuyển khoản cho anh D số tiền 10.000.000 đồng và đến nay còn nợ lại số tiền mua hàng là 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên kể từ ngày chốt số tiền mua hàng còn nợ đến nay anh chưa thanh toán được cho anh D khoản tiền nào. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh D anh chỉ đồng ý một mình anh phải thanh toán số tiền còn nợ là 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và anh đề nghị trả dần cho anh D mỗi tháng

2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Anh không đồng ý việc anh D yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả nợ cùng anh vì chị H không tham gia vào việc anh đầu tư trang trại chăn nuôi gà cùng anh cũng như không biết việc mua bán hàng, nợ tiền mua hàng của anh với anh D.

*Bị đơn chị Đỗ Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày:* Năm 2013 chị kết hôn với anh G và hiện nay vợ chồng đang chung sống hòa thuận hạnh phúc. Chị đang là giáo viên trường Mầm non Q với thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Chồng chị anh Nguyễn Ngọc G có làm kinh tế chăn nuôi trang trại gà từ năm 2018 đến năm 2022 thì việc chăn nuôi gặp khó khăn, bị thua lỗ. Chị được biết anh G có mua cám gà của vợ chồng anh D chị T tại thôn Y. Mỗi khi anh G đi vắng chị có nhận thay cám và có ký tên vào sổ giao nhận của anh D đồng thời thừa nhận chữ ký là của chị trong sổ ký nhận của anh D. Chị xác định việc kinh doanh chăn nuôi trang trại gà là do một mình anh G tính toán và tự quyết định vì chị đi làm giáo viên nên không có thời gian cùng anh G chăn nuôi. Chỉ thỉnh thoảng khi rảnh rỗi hoặc anh G đi vắng chị có giúp anh G một số việc như đổ cám cho gà ăn hộ anh G. Còn việc hạch toán kinh doanh chăn nuôi gà của anh G chị không biết và không liên quan. Chị có được nghe anh G nói lại về việc chăn nuôi gặp thua lỗ do bị dịch bệnh covid không bán được hàng hoặc bán hàng giá thấp không đủ vốn dẫn đến bị thua lỗ nên còn nợ tiền mua cám của anh D còn cụ thể nợ bao nhiêu chị không biết. Việc chốt sổ tiền thanh toán mua hàng là giữa anh G và anh D. Nay anh D khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị thanh toán tiền mua cám gà còn nợ 432.500.000 đồng thì chị không đồng ý trả tiền cho anh D vì xác định chỉ một mình anh G mới có trách nhiệm thanh toán tiền mua cám còn nợ cho anh D.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có quan điểm trình bày:* Chị là vợ anh D và đồng ý với quan điểm trình bày của anh D.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Các đương sự thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh G, chị H phải trả cho anh D, chị T số tiền còn nợ 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả án phí cho anh D; anh G và chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Ngọc G và chị Đỗ Thị Thu H phải trả nợ số tiền mua cám gà còn nợ từ năm 2022 cho vợ chồng anh D, chị T. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*tranh chấp kiện đòi tài sản*” quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị T và chị Đỗ Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và chị H.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Anh D khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh G, chị H phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh D số tiền hàng mua cám còn nợ 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất nội dung từ năm 2018 đến năm 2022 anh G có đầu tư trang trại chăn nuôi gà và có thực hiện giao kết mua bán hàng hóa mặt hàng cám gà với vợ chồng anh D, chị T. Mỗi lần mua hàng anh G chị H đều có ký nhận mã hàng, số lượng và ký tên trong sổ giao nhận của anh D. Hai bên chốt số tiền còn nợ vào ngày 31/3/2022 là 442.500.000 đồng. Đến ngày 17/3/2023 anh G chuyển khoản cho anh D số tiền 10.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua cám gà của nguyên đơn là 432.500.000.000 đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh D tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định việc anh G, chị H có mua hàng và còn nợ anh D, chị T số tiền 432.500.000 đồng từ ngày 17/3/2023 là sự việc có thật.

Mặc dù anh G, chị H đều xác định đây là khoản nợ riêng của anh G và chị H không liên quan, cũng như không có trách nhiệm trả nợ tiền mua cám gà cho vợ chồng anh D. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả anh G và chị H đều thừa nhận anh G đầu tư làm kinh tế trang trại chăn nuôi gà mục đích có lợi nhuận để phát triển kinh tế gia đình. Những lần anh G đi vắng chị H có hỗ trợ việc chăn nuôi, khi anh D

giao hàng chị H trực tiếp nhận số lượng, mã hàng cấm và nhiều lần trực tiếp thanh toán tiền mua hàng có ký nhận trong sổ theo dõi của anh D. Như vậy có căn cứ xác định mục đích anh G làm kinh tế trang trại chăn nuôi gà là để phát triển, tạo lập kinh tế chung của gia đình. Hơn nữa chị H và anh G đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp và vợ chồng vẫn đang chung sống hòa thuận. Do vậy căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định nghĩa vụ trả nợ nêu trên là nghĩa vụ liên đới của vợ chồng chị H và anh G.

Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền mua hàng còn nợ 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc G và chị Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là:  $20.000.000 \text{ đ} + (432.500.000 \text{ đồng} - 4000.000.000 \text{ đ}) \times 4\%$  = 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

[4] Đối với quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D về việc kiện đòi tài sản. Buộc anh Nguyễn Ngọc G và chị Đỗ Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T số tiền 432.500.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc G và chị Đỗ Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001279 ngày 09/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khương Đặng Khánh Hằng**



*Nơi nhận:*

**THẨM**

- Viện kiểm sát nhân huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khương Đặng Khánh Hằng**

**Các Hội thẩm nhân dân**  
**Toà**

**Thẩm phán - Chủ toạ phiên**

**Nguyễn Đức Túc    Nguyễn Thị Hiền**

**Khương Đặng Khánh Hằng**

